TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1275**/2024/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 30 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1785/2024/TLST-VHNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Trần Thị S**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ D, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ D, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy quan hệ giữa bà Trần Thị S và ông Trần Văn H là hôn nhân hợp pháp, ngày 22/7/2024, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, giữa cha, mẹ và con, về trách nhiệm cấp dưỡng và các vấn đề khác có liên quan. Kết quả hòa giải đoàn tụ không thành. Các đương sự yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của họ như sau:

[**1**] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị S và ông Trần Văn H thuận tình ly hôn.

[**2**] Về con chung:

+ Giao cho ông Trần Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 15/11/2011.

+ Giao cho bà Trần Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Trần Quốc H1, sinh ngày 14/01/2016.

+ Tạm thời các bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của bà Trần Thị S, ông Trần Văn H.

+ Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[**3**] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[**4**] Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

[**5**] Về lệ phí: Bà Trần Thị S và ông Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm cấn trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0004752 ngày 04/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị S và ông Trần Văn H thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

+ Giao cho ông Trần Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 15/11/2011.

+ Giao cho bà Trần Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Trần Quốc H1, sinh ngày 14/01/2016.

+ Tạm thời các bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của bà Trần Thị S, ông Trần Văn H.

+ Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Bà Trần Thị S và ông Trần Văn H khai không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị S và ông Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm cấn trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0004752 ngày

04/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- UBND xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An *(GCNKH số 66, quyển số 01 ngày 15/01/2010)*
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Loan Trần Hải Yến